

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Công ty: CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302

Fax: 08 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 08 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

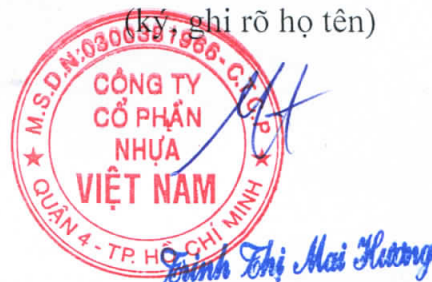
1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2017 của Công ty CP Nhựa Việt Nam
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty CP Nhựa Việt Nam
3. Công văn số 54/CV-NVN-TCKT ngày 29 tháng 03 năm 2018 về việc giải trình kết quả kinh doanh năm 2017 so với năm 2016 của Công ty mẹ và Hợp nhất.
4. Công văn số 55/CV-NVN-TCKT ngày 29 tháng 03 năm 2018 về việc công bố thông tin về ý kiến ngoại trừ và lưu ý trong Báo cáo tài chính năm 2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 29 tháng 03 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54 /CV-NVN-TCKT
V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
năm 2017 so với năm 2016 của
công ty mẹ và Hợp nhất

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình Kết quả kinh doanh năm 2017 so năm 2016 như sau:

+ Đối với báo cáo tài chính Công ty Mẹ :

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 lãi : 71.361.933.875 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 lãi: 2.229.398.628 đồng

Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước là do doanh thu hoạt động tài chính tăng cao so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là khoản cổ tức nhận được từ các công ty con, liên doanh liên kết tăng. Bên cạnh đó, trong năm Công ty có thu nhập từ việc chuyển nhượng tòa nhà tại 39A Ngô Quyền, Hà Nội cũng góp phần làm cho lợi nhuận tăng cao so với năm trước.

+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 lãi: 60.271.136.061 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 lãi: 28.892.990.643 đồng

Nguyên nhân lãi so với năm 2016 chủ yếu do:

+ Lợi nhuận gộp từ bán hàng tăng so với năm trước

+ Năm 2017, Công ty có thêm khoản thu nhập từ việc chuyển nhượng tòa nhà tại 39A Ngô Quyền, Hà Nội.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình đề Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



Lê Hoàng

Số: 55 /CV-NVN-TCKT

V/v: Công bố thông tin về ý kiến ngoại trừ và
lưu ý trong Báo cáo tài chính năm 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: -Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

-Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

- Tên tiếng anh: **VIETNAM PLASTIC CORPORATION**

- Tên viết tắt: **VINAPLAST CORP**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0300381966 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 84.8.39453301/39453302/39453303 - Fax: 84.8.39453298

- Email: vinaplast@vinaplast.com.vn

- Website: www.vinaplast.com.vn



Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam trân trọng công bố về ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 như sau:

Về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại Báo cáo riêng và Báo cáo hợp nhất của Công ty:

“Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ phải thu của một số đối tượng với giá trị tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 47,8 tỷ đồng và 50,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận nhưng không nhận được các thư phản hồi; Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị các khoản công nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty”

Về ý kiến này Công ty chúng tôi xin được giải trình như sau: Là do trong năm, có một số khách hàng chưa gửi Biên bản xác nhận về kịp cho công ty, một số khách hàng khác không gửi lại Biên bản xác nhận công nợ là do những khách hàng này không thanh toán tiền hàng đúng tiến độ của hợp đồng mua bán, Công ty chúng tôi đã làm thủ tục khởi kiện. Do đó, cuối năm, khi công ty gửi Biên bản xác nhận công nợ những khách hàng này không gửi lại Bản xác nhận cho công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các TV HĐQT, BKS
- Người UQ Công bố thông tin,
- Phòng TC-KT,
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



Lê Hoàng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Bà Vũ Thị Minh Thục
Ông Phan Trung Nam
Ông Đỗ Văn Hiếu
Bà Trần Thị Oánh
Bà Lê Ngọc Diệp

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21/6/2017)

Tổng Giám đốc

Ông Phan Trung Nam

Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Ông Lê Hoàng
Ông Phan Trung Nam

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm

Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2016
Bổ nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2016

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

Theo ý kiến của các thành viên Ban lãnh đạo Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty,



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Số: *115*/VACO/BCKiT.NV2**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (sau đây gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ phải thu của một số đối tượng với giá trị tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 47,8 tỷ đồng và 50,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận nhưng không nhận được các thư phản hồi; Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị các khoản công nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, số 159 Điện Biên Phủ

P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3840 6618

Fax: (84-28) 3840 6616

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-61) 382 8560

Fax: (84-61) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-31) 353 4655

Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Đặng Thị Minh Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 3290-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198.634.195.923	154.043.668.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	54.014.802.355	9.614.325.043
1. Tiền	111		24.941.969.022	9.614.325.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.072.833.333	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	40.900.000.000	41.150.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.900.000.000	41.150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.851.017.040	68.889.981.560
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	84.066.700.782	71.504.831.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		935.223.545	1.613.646.785
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.353.472.319	1.283.472.319
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.436.107.178	3.645.916.368
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(34.995.481.099)	(9.212.488.303)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.994.315	54.602.750
IV. Hàng tồn kho	140	10	15.608.447.774	28.936.761.892
1. Hàng tồn kho	141		15.714.722.943	29.080.080.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(106.275.169)	(143.318.341)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.259.928.754	5.452.599.904
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.212.692.822	5.405.363.972
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	47.235.932	47.235.932
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194.807.094.937	227.502.413.440
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.261.475.750	21.251.475.750
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		251.475.750	251.475.750
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	21.010.000.000	21.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		15.046.393.073	54.925.064.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.943.461.585	47.940.568.437
- Nguyên giá	222		107.896.617.205	141.981.892.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.953.155.620)	(94.041.323.593)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	102.931.488	6.984.496.247
- Nguyên giá	228		2.989.290.120	11.560.690.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.886.358.632)	(4.576.194.464)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	285.940.577	173.023.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		285.940.577	173.023.577
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	151.216.755.002	151.130.577.082
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.417.875.500	33.417.875.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		164.954.480.594	164.954.480.594
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(47.155.601.092)	(47.241.779.012)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.996.530.535	22.272.347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	6.996.530.535	22.272.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		393.441.290.860	381.546.081.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		299.218.995.066	358.684.124.220
I. Nợ ngắn hạn	310		254.475.906.908	300.687.105.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	93.932.390.687	82.402.075.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	420.440.000	58.250.100.877
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.493.157.787	10.074.193.204
4. Phải trả người lao động	314		1.540.544.932	656.966.719
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	23.696.187.344	18.103.173.082
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		89.032.963	91.968.115
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.521.736.913	21.715.301.068
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	102.782.416.282	109.393.326.266
II. Nợ dài hạn	330		44.743.088.158	57.997.018.985
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	277.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	44.466.088.158	57.997.018.985
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.222.295.794	22.861.957.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	94.222.262.595	22.860.328.720
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(100.066.867.405)	(171.428.801.280)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(171.428.801.280)	(173.658.199.908)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		71.361.933.875	2.229.398.628
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		33.199	1.628.899
1. Nguồn kinh phí	431		33.199	1.628.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		393.441.290.860	381.546.081.839



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		149.636.904.827	189.352.485.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	149.636.904.827	189.352.485.489
4. Giá vốn hàng bán	11	25	147.078.222.162	188.574.599.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.558.682.665	777.886.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	61.060.043.761	18.933.788.514
7. Chi phí tài chính	22	28	20.851.087.479	15.888.251.416
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.774.270.098	13.526.401.222
8. Chi phí bán hàng	25	29	2.348.874.555	4.070.122.862
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	34.734.854.448	(3.650.442.348)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		5.683.909.944	3.403.742.804
11. Thu nhập khác	31	30	85.190.821.534	13.453.495
12. Chi phí khác	32	31	2.540.087.732	1.187.797.671
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		82.650.733.802	(1.174.344.176)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		88.334.643.746	2.229.398.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	16.972.709.871	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		71.361.933.875	2.229.398.628



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	150.620.179.021	217.088.660.042
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(119.619.145.586)	(165.158.842.563)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.609.542.060)	(6.844.221.672)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.898.690.527)	(9.511.207.189)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(16.972.709.871)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	509.410.451	2.064.264.813
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.244.340.662)	(18.587.621.511)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.214.839.234)	19.051.031.920
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(283.479.500)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	62.932.770.664	57.067.229.336
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.870.000.000)	(3.824.672.319)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.050.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.028.129.493	24.628.207.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	91.857.420.657	77.870.764.169
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	69.740.695.557	123.808.361.430
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.001.474.540)	(218.306.055.464)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.750.000)	(17.275.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.265.528.983)	(94.514.969.034)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	44.377.052.440	2.406.827.055
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.614.325.043	7.199.549.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.424.872	7.948.608
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	54.014.802.355	9.614.325.043



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008, Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 57 người).

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ plastic.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Ngoài hoạt động chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với quyền sử dụng đất (BD 985825) tại số 39^a Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội của Công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng trong Quý 3/2017, theo đó kết quả kinh doanh trong năm cao hơn so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp**Các đơn vị hạch toán phụ thuộc**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa số 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
- Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại và Dịch vụ nhựa Số Một
- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ nhựa Trường An
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ nhựa Việt Nam

Các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA
- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính như tại thuyết minh số 04.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn với giá trị 55.841.710.985 đồng, Lỗ Lũy kế là 100.066.867.405 đồng (chiếm 52% số vốn điều lệ thực tế đã góp). Điều này cho thấy dấu hiệu về khả năng thanh toán của Công ty có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Ban Lãnh đạo Công ty nhận định rằng: hoạt động, kết quả kinh doanh trong các năm tới sẽ tăng trưởng tốt hơn để bù đắp dần các khoản lỗ này; và thanh toán các khoản nợ quá hạn. Theo đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong thời gian ít nhất là 12 tháng tới. Vì vậy, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản đầu tư tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông thư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường.*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27/06/2006 với Công ty TNHH MTV Becamex IDC. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long - đồng Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Các cổ đông lớn, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	217.639.417	299.752.568
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.724.329.605	9.314.572.475
Các khoản tương đương tiền (i)	29.072.833.333	-
Cộng	54.014.802.355	9.614.325.043

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn - tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP, các khoản tiền gửi đầu tư này có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn				
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	40.900.000.000	-	40.900.000.000	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- <i>Đầu tư vào công ty con</i>	33.417.875.500	(10.082.175.840)	33.417.875.500	(9.189.378.417)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	22.298.490.000	-	22.298.490.000	-
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa số Một	5.000.000.000	(4.950.185.249)	5.000.000.000	(4.057.387.826)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ nhựa Việt Nam	1.119.385.500	(131.990.591)	1.119.385.500	(131.990.591)
- <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	164.954.480.594	(37.073.425.252)	164.954.480.594	(38.052.400.595)
Công ty CP Yout Chon Vina	43.008.000.000	(37.073.425.252)	43.008.000.000	(38.052.400.595)
Công ty CP Nhựa Văn Đồn	16.961.554.628	-	16.961.554.628	-
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	-	15.279.075.966	-
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	89.705.850.000	-	89.705.850.000	-
Tổng	198.372.356.094	(47.155.601.092)	198.372.356.094	(47.241.779.012)

Giải thích: () Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****c) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Tỉnh Bình Dương	99,52%	99,52%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại

Trong năm, trong các Công ty con, Công ty CP Nhựa Việt Phước hoạt động có lãi, các Công ty con khác hoạt động không hiệu quả.

d) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Youl Chon Vina	TP. Hồ Chí Minh	4.300.800	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	TP. Hồ Chí Minh	1.676.080	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Tỉnh Bình Dương	-	27,51%	50,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	TP. Hồ Chí Minh	-	15,00%	33,33%	Kinh doanh thương mại

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Trong năm, ngoài Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem phát sinh lỗ trong năm 2017 (không có lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính đến 31/12/2017), các Công ty liên kết của Công ty đều có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	27.833.069.305	19.678.884.685
Công ty TNHH SX TM và DV Bao Bì Tăng Phú Tân	1.832.974.438	2.836.301.752
Công ty Cổ Phần Nhựa OPEC	8.901.950.000	-
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú	3.483.841.793	2.134.407.552
Công ty TNHH M và U	1.794.957.760	1.470.904.166
Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại Thành Ngọc	1.314.200.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại và Dịch Vụ Nguyễn Liêm	1.241.000.000	1.019.000.000
Các đối tượng khác	6.594.174.896	9.548.300.797
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	56.233.631.477	51.825.946.956
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	43.874.166.538	40.626.613.779
Công ty CP Nhựa Việt Phước	2.562.133.877	1.075.271.023
Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An	1.973.647.524	1.973.647.524
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Số 1	158.678.848	158.678.848
Công ty CP Nhựa Thăng Long	7.665.004.690	7.166.735.782
Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem	-	825.000.000
Cộng	84.066.700.782	71.504.831.641

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	35.436.107.178	1.862.589.379	3.645.916.368	1.278.088.628
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	32.918.682.000	499.932.000	499.932.000	-
Phải thu tạm ứng	130.383.715	-	625.259.028	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu khác	2.314.201.463	1.362.657.379	2.520.725.340	1.278.088.628
Lãi dự thu	489.365.479	-	971.082.083	-
Các khoản phải thu khác	1.824.835.984	1.362.657.379	1.549.643.257	1.278.088.628
b) Dài hạn	21.010.000.000	-	21.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	-	-
Phải thu khác	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nhựa Thăng Long	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	56.446.107.178	1.862.589.379	24.645.916.368	1.278.088.628

Phải thu dài hạn khác phản ánh giá trị góp vốn Giữa Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” ngày 14 tháng 12 năm 2012, tại số 360 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với số tiền 21.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	42.756.142.803	20.366.389.148	7.248.859.337	3.986.565.878
Công ty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	-	2.669.970.418	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An	3.257.119.843	389.976.160	1.973.647.524	986.823.762
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	913.680.544	-	1.009.979.714	343.799.170
Công ty CP Nhựa Tân Phú	2.816.842.300	1.399.743.311	-	-
DNTN Nguyễn Tuấn Tài	1.000.000	-	1.000.000	-
Đối tượng khác	7.483.376.626	2.746.542.817	1.626.220.120	-
Cộng	59.898.132.534	24.902.651.435	14.529.677.113	5.317.188.810

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	9.914.886.859	-	2.662.327.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	722.541.654	-	1.975.127.171	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	219.203.295	-
Thành phẩm	-	-	676.300.824	-
Hàng hóa	5.077.294.430	(106.275.169)	23.547.121.143	(143.318.341)
Cộng	15.714.722.943	(106.275.169)	29.080.080.233	(143.318.341)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 37.043.172 đồng.

11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<u>Xây dựng cơ bản dở dang</u>	<u>285.940.577</u>	<u>173.023.577</u>
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	285.940.577	173.023.577
<u>Trong đó:</u>		
Chi phí dây chuyền SX tấm chống thấm	134.318.334	134.318.334
Nhà xưởng Mỹ Phước	112.917.000	-
Công trình khác	38.705.243	38.705.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	36.571.045.477	102.302.078.279	2.008.526.029	1.100.242.245	-	141.981.892.030
Mua trong năm	-	-	-	41.090.909	216.617.727	257.708.636
Thanh lý, nhượng bán	(33.532.826.861)	-	(810.156.600)	-	-	(34.342.983.461)
Số cuối năm	3.038.218.616	102.302.078.279	1.198.369.429	1.141.333.154	216.617.727	107.896.617.205
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	11.198.952.424	79.807.882.055	2.008.526.029	1.025.963.085	-	94.041.323.593
Khấu hao trong năm	527.944.588	8.401.470.960	-	79.986.230	18.053.975	9.027.455.753
Thanh lý, nhượng bán	(9.305.467.126)	-	(810.156.600)	-	-	(10.115.623.726)
Số cuối năm	2.421.429.886	88.209.353.015	1.198.369.429	1.105.949.315	18.053.975	92.953.155.620
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	25.372.093.053	22.494.196.224	-	74.279.160	-	47.940.568.437
Số cuối năm	616.788.730	14.092.725.264	-	35.383.839	198.563.752	14.943.461.585

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 14.058.251.134 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 47.126.419.521 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.684.939.688 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.123.700.488 đồng)

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	11.218.360.591	342.330.120	11.560.690.711
Phân loại Chi phí trả trước dài hạn (i)	(8.571.400.591)	-	(8.571.400.591)
Số cuối năm	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	4.362.604.160	213.590.304	4.576.194.464
Khấu hao trong năm	190.475.568	25.808.328	216.283.896
Phân loại Chi phí trả trước dài hạn (i)	(1.906.119.728)	-	(1.906.119.728)
Số cuối năm	2.646.960.000	239.398.632	2.886.358.632
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	6.855.756.431	128.739.816	6.984.496.247
Số cuối năm	-	102.931.488	102.931.488

Ghi chú: (i) Phân loại trình bày số dư do giá trị quyền sử dụng đất đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K-3B-CN ngày 7/8/2008, với nguyên giá là 8.571.400.591 đồng là diện tích đất do Công ty thuê lại từ Công ty TNHH MTV Becamex IDC theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27/06/2006, do đó cần được trình bày trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.679.590.120 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.679.590.120 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	6.996.530.535	22.272.347
Chi phí thuê đất (i)	6.665.280.863	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	331.249.672	20.603.472
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.668.875

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2017 với số tiền 6.665.280.863 đồng thể hiện số tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27/06/2006 với Công ty TNHH MTV Becamex IDC; Thời gian phân bổ tương ứng thời gian thuê đất.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
		khả năng trả nợ		khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	93.932.390.687	93.932.390.687	82.402.075.904	82.402.075.904
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	36.882.739.382	36.882.739.382	35.847.962.816	35.847.962.816
Branch Mitsubishi Corporation Singapore	23.931.552.208	23.931.552.208	27.012.018.425	27.012.018.425
PTT Polymer Marketing Company	12.346.469.100	12.346.469.100	-	-
Intraco Trading PTE., Ltd	8.811.744.975	8.811.744.975	6.709.404.488	6.709.404.488
NH INTERNATIONAL CORP	5.556.434.000	5.556.434.000	-	-
Vinmar International.,Ltd	2.577.125.925	2.577.125.925	-	-
Asia Focus IND.,Ltd	-	-	2.346.458.400	2.346.458.400
Victory International Venture PTE.,Ltd	-	-	2.583.360.450	2.583.360.450
Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA	1.654.650.326	1.654.650.326	1.787.393.378	1.787.393.378
Các đối tượng khác	2.171.674.771	2.171.674.771	6.115.477.947	6.115.477.947
Trong đó				
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	36.882.739.382	36.882.739.382	35.901.761.073	35.901.761.073
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	36.882.739.382	36.882.739.382	35.847.962.816	35.847.962.816
Đối tượng khác	-	-	53.798.257	53.798.257
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	36.882.739.382	36.882.739.382	35.847.962.816	35.847.962.816
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	36.882.739.382	36.882.739.382	35.847.962.816	35.847.962.816

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Tài Tâm	-	57.369.659.457
Bà Trần Thị Thanh Huyền	420.000.000	420.000.000
Hộ Kinh doanh Thái Thành	-	255.000.000
Các đối tượng khác	440.000	205.441.420
Cộng	420.440.000	58.250.100.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	15.752.609.509	15.379.934.745	372.674.764
Thuế xuất, nhập khẩu	-	745.101.793	745.101.793	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.991	16.972.709.871	16.972.709.871	1.340.991
Thuế thu nhập cá nhân	85.936.004	203.743.631	164.338.861	125.340.774
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.584.834.431	2.577.949.382	6.885.049
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	9.986.916.209	-	-	9.986.916.209
Cộng	10.074.193.204	36.264.999.235	35.846.034.652	10.493.157.787
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.235.932	-	-	47.235.932
Cộng	47.235.932	-	-	47.235.932

Ghi chú: (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13/7/1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	23.696.187.344	18.103.173.082
Trích trước chi phí lãi tiền vay	22.835.927.153	17.960.347.582
Chênh lệch tỷ giá lãi vay phải trả	774.188.191	-
Chi phí trích trước khác	86.072.000	142.825.500

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.521.736.913	21.715.301.068
Kinh phí công đoàn	18.075.934	128.681.783
Bảo hiểm xã hội	955.226	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.645.420	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.450.060.333	21.586.619.285
- Tiền cổ tức phải nộp Ngân sách Nhà nước-Bộ Tài chính (i)	20.470.947.648	20.470.947.648
- Quỹ Công đoàn	-	129.004.010
- Công ty Hồng Cơ	266.835.000	266.835.000
- Phải trả các đối tượng khác	712.277.685	719.832.627
b) Dài hạn	277.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	277.000.000	-

Ghi chú: (i) Khoản cổ tức từ năm 2008 đến năm 2012 phải trả cho chủ sở hữu. Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương gửi Bộ Tài chính và đề xuất của Hội đồng Quản trị Công ty tại Đại hội cổ đông năm 2015, giá trị phải trả cổ tức này được giữ lại để phân bổ lại sau khi hoạt động kinh doanh Công ty có hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn (i)	13.850.239.966	13.850.239.966	99.001.474.540	69.740.695.557	43.111.018.949	43.111.018.949
Ngân hàng Nông Nghiệp - CN Sài Gòn	13.850.239.966	13.850.239.966	95.351.474.540	69.740.695.557	39.461.018.949	39.461.018.949
<i>b) Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	88.932.176.316	88.932.176.316	-	-	3.650.000.000	3.650.000.000
Cộng	102.782.416.282	102.782.416.282	99.001.474.540	92.390.564.556	109.393.326.266	109.393.326.266

i. Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 1130/2017/4777548/HĐTD ngày 26/6/2017. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngắn hạn tối đa là 70 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty chịu lãi suất theo từng kỳ ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm tài sản cố định vô hình tại Bình Dương và khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 37,5 tỷ đồng và quyền đòi nợ của khách hàng hình thành trong tương lai.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (i)	44.466.088.158	44.466.088.158	17.468.153.437	3.937.222.610	57.997.018.985	57.997.018.985
	44.466.088.158	44.466.088.158	17.468.153.437	3.937.222.610	57.997.018.985	57.997.018.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**Ghi chú:

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDWTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 Nhân dân tệ (CNY) để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3,2% /năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2017 Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Trong vòng một năm

Trong năm thứ hai đến năm thứ năm

Sau năm năm

Cộng

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
88.932.176.316	66.282.307.317
44.466.088.158	57.997.018.985
-	-
133.398.264.474	124.279.326.302
<i>(88.932.176.316)</i>	<i>(66.282.307.317)</i>
44.466.088.158	57.997.018.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	LNST thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	(173.658.199.908)	20.630.930.092
Lợi nhuận trong năm	-	2.229.398.628	2.229.398.628
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	(171.428.801.280)	22.860.328.720
Lợi nhuận trong năm	-	71.361.933.875	71.361.933.875
Số dư cuối kỳ này	194.289.130.000	(100.066.867.405)	94.222.262.595

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước - Bộ Công thương	-	127.943.420.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	127.943.420.000	-
Các cổ đông khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	194.289.130.000	194.289.130.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	32.876,90	17.059,34

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.636.904.827	189.352.485.489
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	137.301.588.606	179.256.191.075
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.335.316.221	10.096.294.414
Cộng	149.636.904.827	189.352.485.489
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.636.904.827	189.352.485.489

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	135.129.359.016	178.390.509.487
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.985.906.318	11.459.287.444
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.043.172)	(1.275.197.662)
Cộng	147.078.222.162	188.574.599.269

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.787.607.325	15.492.150.423
Chi phí nhân công	8.401.993.242	8.207.162.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.243.739.649	10.201.913.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.002.509.700	7.110.702.798
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng	25.782.992.796	(13.798.729.256)
Chi phí khác bằng tiền	2.324.200.348	3.111.822.041
Cộng	57.543.043.060	30.325.022.469

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.985.262.393	2.609.721.133
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.979.900.496	10.074.401.850
Lãi chênh lệch tỷ giá	94.880.872	7.033.423.342
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	(783.757.811)
Cộng	61.060.043.761	18.933.788.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.774.270.098	13.526.401.222
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	1.244.776.566	1.248.186.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.918.218.735	188.676.532
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(86.177.920)	924.986.748
Cộng	20.851.087.479	15.888.251.416

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	4.778.279.854	4.443.857.827
Chi phí đồ dùng văn phòng	188.182.261	343.990.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.324.417	415.912.466
Thuế, phí và lệ phí	155.186.355	935.221.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.681.874.945	2.561.522.311
Trích lập/ hoàn nhập dự phòng	25.782.992.796	(13.942.047.597)
Các khoản chi phí QLDN khác	2.125.013.820	1.591.100.452
Cộng	34.734.854.448	(3.650.442.348)
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.279.002.750	1.058.715.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.149.223	2.861.036.018
Các khoản chi phí bán hàng khác	22.722.582	150.370.955
Cộng	2.348.874.555	4.070.122.862

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định (i)	85.109.003.901	-
Thu nhập khác	81.817.633	13.453.495
Cộng	85.190.821.534	13.453.495

Ghi chú: (i) Thu từ thanh lý tài sản cố định bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng tòa nhà 39A Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm cho Công ty TNHH Tài Tâm số tiền 84.863.549.356 đồng, theo hợp đồng mua bán ngày 24/06/2016.

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nộp tiền thuê đất bổ sung	2.282.744.820	-
Chi phí khác	257.342.912	1.187.797.671
Cộng	2.540.087.732	1.187.797.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	88.334.643.746	2.229.398.628
Lợi nhuận trước thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	3.471.094.390	2.229.398.628
Lợi nhuận trước thuế hoạt động chuyển nhượng bất động sản	84.863.549.356	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	57.979.900.496	2.229.398.628
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	57.979.900.496	10.074.401.850
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(54.508.806.106)	(7.845.003.222)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	84.863.549.356	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	16.972.709.871	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.972.709.871	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

33. CÁC NGHĨA VỤ VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Như đã trình bày tại thuyết minh số 21 - Vay dài hạn và nợ dài hạn: Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016). Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên. Trong trường hợp Bộ Tài chính không chấp thuận theo nội dung của Công văn về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn thì Công ty có thể sẽ chịu một khoản lãi quá hạn ước tính khoảng 4,9 tỷ đồng, tuy nhiên số liệu cuối cùng sẽ phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

34. CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trên Báo cáo tài chính của Công ty có khoản lỗ lũy kế là 100.066.867.405 đồng, có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	147.248.504.440	167.390.345.251
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(54.014.802.355)	(9.614.325.043)
Nợ thuần	93.233.702.085	157.776.020.208
Vốn chủ sở hữu	94.222.262.595	22.860.328.720
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	99,0%	690,2%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.014.802.355	9.614.325.043	54.014.802.355	9.614.325.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.395.421.146	85.813.068.678	72.395.421.146	85.813.068.678
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.900.000.000	41.150.000.000	40.900.000.000	41.150.000.000
Cộng	167.393.063.501	136.577.393.721	167.393.063.501	136.577.393.721
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	147.248.504.440	167.390.345.251	147.248.504.440	167.390.345.251
Phải trả người bán và phải trả khác	94.911.503.372	83.388.743.531	94.911.503.372	83.388.743.531
Chi phí phải trả	23.696.187.344	18.103.173.082	23.696.187.344	18.103.173.082
Cộng	265.856.195.156	268.882.261.864	265.856.195.156	268.882.261.864

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế, do đó Công ty áp dụng việc trình bày như các thông tin đã thuyết minh tại mục 4-Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.014.802.355	-	54.014.802.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.385.421.146	21.010.000.000	72.395.421.146
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.900.000.000	-	40.900.000.000
Cộng	146.373.063.501	21.020.000.000	167.393.063.501
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	102.782.416.282	44.466.088.158	147.248.504.440
Phải trả người bán và phải trả khác	94.634.503.372	277.000.000	94.911.503.372
Chi phí phải trả	23.696.187.344	-	23.696.187.344
Cộng	221.113.106.998	44.743.088.158	265.856.195.156
Chênh lệch thanh khoản thuần	(74.740.043.497)	(23.723.088.158)	(98.463.131.655)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.614.325.043	-	9.614.325.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.813.068.678	21.000.000.000	85.813.068.678
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	115.577.393.721	21.000.000.000	136.577.393.721
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	109.393.326.266	57.997.018.985	167.390.345.251
Phải trả người bán và phải trả khác	83.388.743.531	-	83.388.743.531
Chi phí phải trả	18.103.173.082	-	18.103.173.082
Cộng	210.885.242.879	57.997.018.985	268.882.261.864
Chênh lệch thanh khoản thuần	(95.307.849.158)	(36.997.018.985)	(132.304.868.143)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao; Tuy nhiên Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, đồng thời tổng dòng tiền lưu chuyển trong kỳ vẫn tạo ra dòng tiền dương do đó đánh giá rủi ro thanh toán ở mức bình thường.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu